TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HS-ST
Ngày 31-5-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hải Yến

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Ngọc Hải

Bà Đặng Thị Thu Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số: 27/TLST-HS ngày 12 tháng 5 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 5 năm 2022 đối với bị cáo:

Trần Đức H, sinh ngày 22 tháng 02 năm 1980 tại Hải Phòng. Nơi ĐKNKTT: Số 45B/320 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, Hải Phòng; nơi tạm trú: Số 26/17/320 đường L, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Huy Q và bà Phạm Thị X; vợ là Nguyễn Thị V (đã ly hôn) và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 22/12/2021 đến ngày 30/12/2021 được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

- *Bị hại:* Anh Đỗ Mạnh C, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 6/10/4/227 L Tông, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị hại: Ông Đỗ Hải A, sinh năm 1955; nơi cư trú: Số 6/10/4/227 Lê Thánh Tông, phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Người làm chứng:* Anh Phạm Xuân H; vắng mặt (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 23/7/1999, Trần Đức H và Phạm Xuân H đi chơi, do trời mưa nên H, H về Nhà kèn trong Vườn hoa Nguyễn Du, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng trú mưa và ngủ tại đây. Tại Nhà kèn lúc đó còn có anh Đỗ Mạnh C cũng đang ngủ tại đây. Khoảng 5 giờ 00 phút ngày 24/7/1999, khi anh C ngủ dậy thì gặp bạn là Lương Bắc Lý đến xin tiền mua xôi, Lý rủ anh C về nhà Lý ngủ. C đồng ý nH không tìm thấy dép, anh Lý đi quanh khu vực nhà Kèn nhặt được 01 đôi dép màu đen (là dép của H) và đưa cho C. Sau khi đi dép Lý đưa, C và Lý cùng đi về phía hàng rào Công viên thì bị H và H gọi lại vì cho rằng C lấy dép của H. C, Lý bỏ chạy; H, H đuổi theo. Khi H, H đuổi kịp C thì bị C đánh lại. H chạy đi tìm hung khí thì nhặt được 01 con dao gọt hoa quả ở trên mặt ghế đá gần đó. H cầm dao chạy lại đánh nhau với C. Trong lúc xô sát, H đã dùng dao đâm 01 nhát trúng bụng C. Thấy C bị thương, H và H bỏ chạy, C đến bệnh viện Việt Tiệp điều trị vết thương.

Tại bản Kết luận giám định pháp y số 518 ngày 09/8/1999 của Tổ chức giám định pháp y thành phố Hải Phòng kết luận thương tích của anh Đỗ Mạnh C như sau: *"nạn nhân bị 01 vết thương do vật sắc nhọn tác động vào bụng phải gây rách da dài khoảng 2cm, thương tích trên đã gây cho nạn nhân choáng ... làm giảm 55% sức lao động của nạn nhân"*.

Sau khi thực hiện hành vi trên, H vào Đồng Nai cư trú, lập gia đình.

Về trách nhiệm dân sự: Sau khi xảy ra sự việc trên, H đã bồi thường tiền điều trị thương tích cho anh C; anh C có đơn đề nghị miễn truy cứu trách nhiệm hình sự đối với H, H.

Về vật chứng: Con dao H sử dụng đâm anh C sau đó H đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu giữ được.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 09/5/2022 của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng truy tố Trần Đức H về tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985.

Tại phiên toà:

Bị cáo Trần Đức H khai nhận hành vi đã thực hiện phù hợp với nội dung bản Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng đã truy tố.

Bị hại là anh Đỗ Mạnh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH vắng mặt và có người đại diện hợp pháp của bị hại là ông A. Ông A giữ nguyên ý kiến như đã khai

tại Cơ quan điều tra, có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Hành vi bị cáo H đã thực hiện đúng với nội dung bản cáo trạng nêu. Sau khi gây thương tích cho anh C, H và H đã bồi thường nên nay anh C không yêu cầu bị cáo bồi thường gì khác và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo H.

Người làm chứng Phạm Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nH có đơn xin vắng mặt, thể hiện: Anh H giữ nguyên lời khai đã trình bày tại cơ quan điều tra, cam đoan lời khai đó là đúng sự thật và được công bố tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo, Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Trần Đức H với mức án từ 30 tháng đến 36 tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng về tội "Cố ý gây thương tích"; các bên đã tự giải quyết xong về trách nhiệm dân sự nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi kết thúc phần tranh luận, bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ mức hình phạt, tạo điều kiện để bị cáo được cải tạo ngoài xã hội và được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hồng Bàng, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 5 giờ 00 phút ngày 24/7/1999 tại khu vực Nhà kèn vườn hoa Nguyễn Du, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng, Trần Đức H và Nguyễn Mạnh H đã có hành vi dùng dao tác động lên thân thể của

anh Đỗ Mạnh C gây thương tích, hậu quả làm anh C giảm 55% sức lao động. Như vậy, hành vi của bị cáo Trần Đức H đủ yếu tố cấu thành phạm tội "Cố ý gây thương tích" quy định tại Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985.

- Về tình tiết định khung hình phạt:

[3] Bị cáo Trần Đức H sử dụng dao bằng kim loại gây thương tích cho bị hại; giữa bị cáo, Nguyễn Mạnh H và bị hại không có mối quan hệ quen biết, không có mâu thuẫn từ trước nH bị cáo và H đã có hành vi xâm phạm đến sức khoẻ của người khác. Theo Kết luận giám định pháp y, tổng tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của bị hại là 55%. Do đó, hành vi của bị cáo H thuộc trường hợp "*Gây thương tích nặng hoặc gây tổn hại nặng cho sức khỏe của người khác"*, nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo điểm a khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985.

- Về áp dụng Bộ luật Hình sự:

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 00 giờ 00 phút ngày 01/7/2000 nên về nguyên tắc phải áp dụng quy định của Bộ luật Hình sự năm 1985 để xét xử. Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp điểm a khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985. Đối cH về khung, mức hình phạt của tội "Cố ý gây thương tích" theo Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 và Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, nhận thấy hành vi của bị cáo áp dụng theo Bộ luật Hình sự năm 1985 là nhẹ hơn Bộ luật Hình sự năm 2015. Vì vậy, căn cứ khoản 3 Điều 7 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 2 Điều 109 Bộ luật Hình sự năm 1985 để xét xử đối với Trần Đức H là đảm bảo tính có lợi cho bị cáo và phù hợp với quy định của pháp luật.

- Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

[5] Tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến sức khoẻ của người khác được pháp luật bảo hộ, gây mất trật tự trị an, nên cần xử lý nghiêm để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

- Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[6] Bị cáo Trần Đức H không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[7] Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội, đã tự nguyện khắc phục ngay hậu quả, bồi thường cho bị hại; nhân thân bị cáo chưa có tiền án, tiền sự. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo; chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú xác nhận bị cáo hiện là lao động chính duy nhất trong gia đình, hiện đang nuôi hai con nhỏ (do vợ bị cáo H đã bỏ đi), bị cáo có bố đẻ là thương binh hạng ¼ và được Nhà nước tặng thưởng huy chương kháng chiến hạng nhất. Nên, bị cáo H còn được hưởng thêm tình tiết giảm

nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Đồng thời, nguyên nhân dẫn đến vụ việc là do phía bị hại có lỗi một phần do bị hại đã lấy dép của H, sau đó bị hại đánh H và bị cáo H trước, nên Hội đồng xét xử cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

[8] Trên cơ sở đánh giá toàn diện tính chất vụ án, hành vi phạm tội, nhân thân; bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; xét mục đích của hình phạt và nguyên tắc xử lý đối với người phạm tội. Hội đồng xét xử nhận thấy, việc buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù là vô cùng khó khăn đối với gia đình bị cáo nên không nhất thiết phải áp dụng hình phạt tù giam mà chỉ cần áp dụng hình phạt tương thích cải tạo ngoài xã hội, đồng thời giao bị cáo về nơi cư trú giám sát giáo dục, khẳng định tính khoan hồng của pháp luật. Vì vậy, cho bị cáo H được hưởng hình phạt tù nH cho hưởng án treo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự cũng đủ tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Do đó, mức hình phạt đề nghị của Kiểm sát viên đối với bị cáo tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận.

- Về trách nhiệm dân sự:

[9] Bị cáo đã tự nguyện bồi thường, bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xét giải quyết.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Con dao H sử dụng gây thương tích cho anh C sau đó H đã vứt đi, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên Hội đồng xét xử không xét.

- Về án phí:

[11] Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 109 của Bộ luật Hình sự năm 1985; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 3 Điều 7; Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử phạt: Trần Đức H 30 (ba mươi) tháng tù nH cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Cố ý gây thương tích".

Giao bị cáo Trần Đức H cho Ủy ban nhân dân phường M, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục; gia đình bị cáo Trần Đức H có trách nhiệm kết hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

- Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự hai lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng

án treo. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự như sau:

Người được hưởng án treo có thể vắng mặt tại nơi cư trú nếu có lý do chính đáng và phải xin phép theo quy định tại khoản 2 Điều này, phải thực hiện khai báo tạm vắng theo quy định của pháp luật về cư trú. Thời gian vắng mặt tại nơi cư trú mỗi lần không quá 60 ngày và tổng số thời gian vắng mặt tại nơi cư trú không được vượt quá một phần ba thời gian thử thách, trừ trường hợp bị bệnh phải điều trị tại cơ sở y tế theo chỉ định của bác sỹ và phải có xác nhận điều trị của cơ sở y tế đó.

Người được hưởng án treo khi vắng mặt tại nơi cư trú phải có đơn xin phép và được sự đồng ý của Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục; trường hợp không đồng ý thì Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người được hưởng án treo khi đến nơi cư trú mới phải trình báo với Công an cấp xã nơi mình đến tạm trú, lưu trú; hết thời hạn tạm trú, lưu trú phải có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú. Trường hợp người được hưởng án treo vi phạm pháp luật, Ủy ban nhân dân cấp xã nơi người đó đến tạm trú, lưu trú phải thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị quân đội được giao giám sát, giáo dục kèm theo tài liệu có liên quan.

Việc giải quyết trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thực hiện theo quy định tại Điều 68 Luật Thi hành án hình sự.

Người được hưởng án treo không được xuất cảnh trong thời gian thử thách.

- Căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 45; điểm d khoản 1 Điều 125 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên: Hủy bỏ biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú đối với Trần Đức H theo Quyết định Cấm đi khỏi nơi cư trú số 28/2022/HSST-QĐCĐKNCT ngày 12 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

- Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Trần Đức H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo đối với bản án:

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND quận Hồng Bàng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- Cơ quan Điều tra Công an quận Hồng Bàng;
- Cơ quan THAHS Công an quận Hồng Bàng;
- Công an thành phố Hải Phòng;
- Chi cục THADS quận Hồng Bàng;
- Sở Tư pháp thành phố Hải Phòng;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Hải Yến

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hải Yến